

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
KHOA/VIỆN NGHỆ HS-MT

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT
CHĂM SÓC SỨC KHOẺ CỘNG ĐỒNG

1. Thông tin tổng quát:

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: Trần Tất Thắng

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: Bệnh viện Mắt Nghệ An

Điện thoại, email: 0913055375

Các hướng nghiên cứu chính: Bệnh ngoại khoa và sức khỏe gia đình, cộng đồng

1.2. Thông tin về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Chăm sóc sức khỏe cộng đồng (tiếng Anh):	
- Mã số học phần: NUR30024	
- Thuộc CTĐT ngành: Điều dưỡng	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức cơ bản ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung ☐ Kiến thức khác	
- Thuộc loại học phần: ☐ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
- Số tín chỉ: 03 + Số tiết lý thuyết: 15 + Số tiết thảo luận/bài tập: 0 + Số tiết thực hành: 30 + Số tiết tự học: 90	
- Điều kiện đăng ký học: + Học phần tiên quyết: Mã số HP: + Học phần học trước: Mã số HP:	
- Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:	
- Bộ môn phụ trách học phần: Điện thoại: Email:	

2. Mô tả học phần

Học phần chăm sóc sức khỏe cộng đồng học là học phần chuyên ngành bắt buộc của chương trình đào tạo cử nhân Điều dưỡng trình độ đại học.

Học phần chăm sóc sức khỏe cộng đồng học gồm 2 phần lý thuyết và thực hành:

- *Phần lý thuyết*: Đại cương về chăm sóc sức khỏe cộng đồng, dân số và

sức khỏe, dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm, xác định các vấn đề về sức khỏe xây dựng được quy trình chăm sóc sức khỏe cộng đồng và kiểm soát được những vấn đề liên quan đến sức khỏe tại cộng đồng.

- *Phần thực hành*: Thực hành tại cộng đồng về tuyên truyền giáo dục sức khỏe cho cá nhân

- , cộng đồng về các bệnh không lây nhiễm, lây nhiễm. Lập được kế hoạch và đề xuất các biện pháp phòng bệnh chăm sóc sức khỏe nhân dân.

3. Mục tiêu học phần

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về khái niệm về sức khỏe, sức khỏe toàn diện, chăm sóc sức khỏe ban đầu; các bước trong qui trình xác định vấn đề sức khỏe và cần đề sức khỏe ưu tiên; các bước trong qui trình lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe cộng đồng dân cư.

4. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K4	Áp dụng được các khái niệm cơ bản về Y tế công cộng, nắm vững chính sách, pháp luật về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.	Thuyết trình/thảo luận/ seminar	Tự luận/vấn đáp
CLO1.2	K4	Áp dụng được cách phát hiện và xử trí các vấn đề sức khỏe phổ biến ở cộng đồng.	Thuyết trình/thảo luận/ seminar	Tự luận/vấn đáp
CLO2.1	S4	Hoàn thiện việc lập kế hoạch, đề xuất những giải pháp và tổ chức các hoạt động bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng	Thảo luận/thực hành	Thực hành/vấn đáp
CLO2.2	S4	Thành thạo kỹ năng giám sát, phát hiện sớm bệnh dịch và tổ chức phòng bệnh dịch tại cộng đồng. Giáo dục sức khỏe cho cộng đồng nhằm xây dựng lối sống và hành vi có lợi cho sức khỏe.	Thảo luận/thực hành	Thực hành/vấn đáp
CLO3.1	A3	Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh. Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành	Thảo luận/thực hành	Thực hành/vấn đáp
CLO3.2	A3	Rèn luyện thái độ cẩn thận, chính xác trong thực hành nghề nghiệp sau này.	Thảo luận/thực hành	Thực hành/vấn đáp

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5.1. Đánh giá học tập

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5.1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%) nội dung	Tỷ lệ (%) đánh giá HP
A1. Đánh giá thường xuyên				20%	50%
A1.1	Chuyên cần, tham gia đóng góp xây dựng bài, làm bài tập qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric 1, 2, 3	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1	10%	
A1.2	SV nộp báo cáo seminar; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric 4	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO3.1	10%	
A2. Đánh giá giữa kỳ				30%	
A2.1	Bài thi trắc nghiệm/tự luận; TT Đảm bảo chất lượng/giảng viên tự tổ chức thi và lưu hồ sơ	Đáp án	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1		
A3. Đánh giá cuối kỳ				50%	50%
A3.1 (Lý thuyết)	Thi tự luận; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	Đáp án	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1		
A3.2 (Thực hành)	Điểm các bài Thực hành tại PTN	Rubric 5	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO3.1		
	Công thức tính điểm tổng kết: (A1 *0,2+ A2*0,3 + A3.1*0.5) *0.5 + A3.2*0.5				

5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

Tiêu chí đánh giá chuyên cần và thái độ

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Tham gia lớp học	Đi học đầy đủ số buổi theo yêu cầu	Vắng học ~7% so với quy định (1-2 tiết/30 tiết)	Vắng học ~14% so với quy định (3-4 tiết)	Vắng học ~20% so với quy định (5-6 tiết)	Vắng học quá 20% số giờ theo quy định	50%

			tiết)			
Vào lớp học đúng giờ	Luôn đi học đúng giờ	Vào lớp muộn 1-2 buổi (quá 15 phút)	Vào lớp muộn 3-4 buổi	Vào lớp muộn 5-6 buổi	Vào lớp muộn >6 buổi	20%
Tham gia các hoạt động trên lớp (bài tập tại lớp, thảo luận nhóm, phát biểu, trình bày báo cáo,...)	Tích cực tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu ($\geq N$) (N được tính 100% hoạt động)	Thường xuyên gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu ($\sim 75\%N$ hoạt động)	Có tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu ($\sim 50\%N$ hoạt động)	Ít tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu ($\sim 25\%N$ hoạt động)	Không tham gia các hoạt động trên lớp	15%
Thực hiện nhiệm vụ tự học (bài tập ở nhà,...)	- Làm đầy đủ 100% bài tập cá nhân (2 bài) - Nộp bài tập đúng hạn	- Làm đầy đủ 100% bài tập cá nhân (2 bài) - Nộp bài tập không đúng hạn	- Làm được 50% bài tập cá nhân (1 bài) - Nộp bài tập đúng hạn	- Làm được 50% bài tập cá nhân (1 bài) - Nộp bài tập không đúng hạn	Không nộp bài tập cá nhân trên hệ thống; lấy bài của người khác nộp (qua các câu hỏi của GV)	15%

Tiêu chí đánh giá bài tập cá nhân

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Xác định vấn đề, nội dung bài tập cá nhân	Xác định được vấn đề, nội dung bài tập cá nhân (rất tốt)	Xác định được vấn đề, nội dung bài tập cá nhân (tốt)	Xác định được vấn đề, nội dung bài tập cá nhân (khá)	Xác định được vấn đề, nội dung bài tập cá nhân (trung bình)	Xác định được vấn đề, nội dung bài tập cá nhân (yếu)	20%

Triển khai nội dung bài tập cá nhân	- Trình bày, triển khai được các nội dung bài tập cá nhân (rất tốt) - Phân tích, lập luận chặt chẽ, có hình ảnh minh họa cho giải thích, lập luận phù hợp.	- Trình bày, triển khai được các nội dung bài tập cá nhân (tốt) - Phân tích, lập luận tốt, có hình ảnh minh họa cho giải thích, lập luận phù hợp	- Trình bày, triển khai được các nội dung bài tập cá nhân (khá) - Phân tích, lập luận khá, có hình ảnh minh họa cho giải thích, lập luận phù hợp vừa phải.	- Trình bày, triển khai được các nội dung bài tập cá nhân (trung bình) - Phân tích, lập luận các nội dung, có hình ảnh minh họa nhưng chưa phù hợp	- Trình bày, triển khai được các nội dung bài tập cá nhân (yếu) - Phân tích, lập luận chưa chặt chẽ, không có hình ảnh minh họa cho giải thích, lập luận.	50%
Kết luận	Kết luận, khái quát vấn đề rất tốt, rõ ràng;	Kết luận, khái quát vấn đề tốt	Kết luận, khái quát vấn đề khá	- Kết luận, khái quát vấn đề trung bình	- Không kết luận, khái quát vấn đề hoặc chưa rõ ràng	10%
Hình thức bài tập cá nhân	- Đúng mẫu quy định, đầy đủ các mục, tiêu mục; - Bố cục lô-gic, rõ ràng; - Định dạng, căn lề, cách đoạn, giãn dòng đúng yêu cầu theo mẫu.	- Đúng mẫu quy định, đầy đủ các mục, tiêu mục; - Bố cục tốt; - Định dạng, căn lề, cách đoạn, giãn dòng đáp ứng yêu cầu tốt theo mẫu.	- Đúng mẫu quy định, đầy đủ các mục, tiêu mục; - Bố cục khá; - Định dạng, căn lề, cách đoạn, giãn dòng đúng yêu cầu khá theo mẫu.	- Đúng mẫu quy định, không có các mục, tiêu mục; - Bố cục tạm được; - Định dạng, căn lề, cách đoạn, giãn dòng đáp ứng một phần yêu cầu theo mẫu.	- Không đúng mẫu quy định, không có mục, tiêu mục - Bố cục thiếu lô-gic, lộn xộn; - Định dạng, căn lề, cách đoạn, giãn dòng không đúng yêu cầu theo mẫu.	20%

Tiêu chí đánh giá thực hành

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	

Chuyên cần, thái độ	- Tham gia đầy đủ tất cả các bài thực hành, không vắng. - Nghiêm túc tiến hành các hoạt động theo hướng dẫn của giảng viên, không làm việc riêng	- Tham gia đầy đủ các bài thực hành, vắng 1 buổi nhưng đã thực hành bù - Nghiêm túc tiến hành các hoạt động theo hướng dẫn của giảng viên, thỉnh thoảng làm việc riêng	- Tham gia đầy đủ các bài thực hành, vắng 1-2 buổi nhưng đã thực hành bù; - Nghiêm túc tiến hành bài thí nghiệm nhưng không theo hướng dẫn của giảng viên, làm việc riêng	- Tham gia chưa đầy đủ tất cả các bài thực hành, vắng 1-2 buổi nhưng thực hành bù được 1 buổi - Chưa nghiêm túc tiến hành các hoạt động thực hành theo hướng dẫn, làm việc riêng	- Tham gia không đầy đủ tất cả các bài thực hành, không thực hành bù - Chưa nghiêm túc tiến hành các hoạt động theo hướng dẫn của giảng viên, không tham gia thực hành.	20%
Chuẩn bị bài thực hành	Chuẩn bị tốt bài thực hành, trả lời được tất cả các câu hỏi giảng viên đưa ra	Chuẩn bị bài thực hành đầy đủ, trả lời được 75% câu hỏi giảng viên đưa ra	Có chuẩn bị bài thực hành, trả lời được 50% câu hỏi giảng viên đưa ra	Có chuẩn bị bài thực hành, nhưng chưa đầy đủ, chỉ trả lời được 25% câu hỏi giảng viên đưa ra	Không chuẩn bị bài thực hành, không trả lời được các câu hỏi của giảng viên	30%
Kỹ năng thực hành thí nghiệm	- Thực hiện được các bước thực hành, thí nghiệm và thu được kết quả; - Tổ chức hoạt động nhóm tốt, có sự phối hợp với nhau, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên	- Thực hiện được các bước thực hành, thí nghiệm thu được kết quả nhưng chưa chính xác; - Tổ chức hoạt động nhóm, có sự phối hợp với nhau, phân công nhiệm vụ cho các thành viên	- Thực hiện được các bước thực hành, thí nghiệm nhưng kết quả không tốt; - Tổ chức hoạt động nhóm chưa tốt, ít phối hợp với nhau, phân công nhiệm vụ chưa rõ ràng	- Thực hiện được các bước thực hành, thí nghiệm và nhưng không ra kết quả; - Không tổ chức được nhóm hoặc nhóm không có sự phối hợp với nhau, phân công	- Không thực hiện được các bước thực hành, thí nghiệm và không có kết quả; - Không tổ chức được nhóm, thiếu sự hợp tác lẫn nhau, không có sự phân công nhiệm vụ	40%

				nhiệm vụ không rõ ràng	cho các thành viên	
Kết quả thí nghiệm	Kết quả thực hành, thí nghiệm đúng, rõ ràng; báo cáo kết quả đầy đủ, khoa học và chính xác	Kết quả thực hành, thí nghiệm đúng; báo cáo kết quả đầy đủ, nhưng chưa khoa học.	Kết quả thực hành, thí nghiệm không chính xác; báo cáo kết quả chưa đầy đủ, chính xác.	Không có kết quả thực hành thí nghiệm, hoặc có nhưng không đúng; báo cáo không đầy đủ	Không có kết quả thực hành, thí nghiệm; không có báo cáo	10%

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình:

[1] Trần Thị Minh Tâm, Lê Văn Thêm, Phạm Thế Duân, *Giáo trình chăm sóc sức khỏe cộng đồng*, Nxb Y học, 2017.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[3] Tên tác giả, tên giáo trình, tên nhà xuất bản, năm xuất bản.

[4] Tên hãng phần mềm (năm phát hành/phiên bản), tên phần mềm.

7. Kế hoạch dạy học

Lý thuyết:

Tuần, số tiết	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu SV chuẩn bị	CĐR học phần	Bài đánh giá
Tuần 1	Bài 1. Đại cương điều dưỡng cộng đồng 1. Khái niệm về điều dưỡng cộng đồng 1.1. Khái niệm 1.2. Mục tiêu Điều dưỡng cộng đồng 1.3. Năng lực của Điều dưỡng cộng đồng 1.4. Khách hàng 2. Nhận dạng điều dưỡng cộng đồng và điều dưỡng bệnh viện 2.1. Điều dưỡng cộng đồng 2.2. Điều dưỡng bệnh viện 3. Quá trình phát triển điều dưỡng cộng đồng 3.1. Y tế cộng đồng thời sơ khai 3.2. Vào những năm 60 của công nguyên	Lý thuyết: Hoạt động 1: Điểm danh Hoạt động 2: Giới thiệu về nội dung, phương pháp học tập, hình thức đánh giá và giảng dạy môn học; các yêu cầu của GV đối với SV. Giới thiệu tài liệu học tập Hoạt động 3: Thuyết trình các nội dung 2 – 4 Thảo luận: - Khái niệm Tự học: Làm bài tập GV yêu cầu	Nghiên cứu tài liệu Hoạt động nhóm	CLO1.1 CLO1.2	A1.1 A1.2 A2.1 A3.1

	3.3. Y tế cộng đồng 3.4. Ngành điều dưỡng Việt Nam 4. Chức năng và nhiệm vụ điều dưỡng cộng đồng				
Tuần 2	Bài 2: Dịch tễ học cộng đồng 1. Một số khái niệm dịch tễ học 1.1. Dịch tễ học truyền nhiễm 1.2. Dịch tễ học cộng đồng 2. Các giai đoạn nghiên cứu trong dịch tễ học 2.1. Dịch tễ học mô tả 2.2. Dịch tễ học phân tích 2.3. Dịch tễ học can thiệp (dịch tễ học thực nghiệm) 2.4. Dịch tễ học đánh giá 3. Đo lường dịch tễ học 3.1. Số mới mắc 3.2. Số hiện mắc 3.3. Các chỉ số đo lường khác trong dịch tễ học 4. Các yếu tố tác nhân, nguyên nhân và nguy cơ trong dịch tễ học 4.1. Yếu tố tác nhân 4.2. Yếu tố nguyên nhân 4.3. Yếu tố nguy cơ 5. Các thời kỳ của một bệnh 5.1. Thời kỳ tiền lâm sàng Thời kỳ lâm sàng của bệnh 6. Các biện pháp dự phòng 6.1. Dự phòng cấp I 6.2. Dự phòng cấp II 6.3. Dự phòng cấp III	Lý thuyết: Hoạt động 1: Điểm danh Hoạt động 2: Thuyết trình các nội dung 2 – 6 Thảo luận: - Khái niệm Tự học: Làm bài tập GV yêu cầu	Nghiên cứu tài liệu Hoạt động nhóm	CLO1.1 CLO1.2	A1.1 A1.2 A2.1 A3.1
Tuần 3	Bài 3: Quy trình điều dưỡng cộng đồng 1. Khái niệm về quy trình điều dưỡng 1.1. Khái niệm 1.2. Sơ đồ quy trình 1.3. Quy trình 5 bước 2. Quy trình điều dưỡng chăm sóc cá nhân người bệnh 2.1. Lượng giá và chuẩn đoán 2.2. Lập kế hoạch điều dưỡng	Lý thuyết: Hoạt động 1: Điểm danh Hoạt động 2: Thuyết trình các nội dung 1 -2 Thảo luận: - Khái niệm Tự học: Làm bài tập GV yêu cầu	Nghiên cứu tài liệu Hoạt động nhóm	CLO1.1 CLO1.2	A1.1 A1.2 A2.1 A3.1

Tuần 4	Bài 4: Điều tra sức khỏe 1. Các loại điều tra 1.1. Điều tra tổng hợp 1.2. Điều tra điểm- Điều tra dịch vụ y tế 1.3. Khảo sát mẫu- Điều tra số hiện mắc bệnh 2. Mẫu điều tra – cỡ mẫu và chọn mẫu 2.1. Bảng chọn cỡ mẫu và bảng lấy mẫu ngẫu nhiên 2.2. Chọn mẫu điều tra 2.3. Mẫu không sai lệch và sai lệch 3. Quy trình thực hiện điều tra	Lý thuyết: Hoạt động 1: Điểm danh Hoạt động 2: Thuyết trình các nội dung 1 - 3 Tự học: Làm bài tập GV yêu cầu	Nghiên cứu tài liệu Hoạt động nhóm	CLO1.1 CLO1.2	A1.1 A1.2 A2.1 A3.1
	Bài 5: Sàng lọc sức khỏe 1. Khái niệm về sàng lọc sức khỏe 2. Phân biệt sàng lọc và chẩn đoán 2.1. Chẩn đoán 2.2. Sàng lọc 3. Kỹ thuật sàng lọc 3.1. Một số sàng lọc thông thường tại cộng đồng 3.2. Độ chính xác của kiểm tra sàng lọc 4. Biện pháp nâng cao tính trùng lặp của sàng lọc 5. Chất lượng trắc nghiệm sàng lọc 5.1. Dương tính giả và âm tính giả 5.2. Chất lượng quan trọng của một mẫu trắc nghiệm sàng lọc tốt 6. Ứng dụng sàng lọc sức khỏe	Lý thuyết: Hoạt động 1: Điểm danh Hoạt động 2: Thuyết trình các nội dung 2 – 6 Thảo luận: - Khái niệm Tự học: Làm bài tập GV yêu cầu	Nghiên cứu tài liệu Hoạt động nhóm	CLO1.1 CLO1.2	A1.1 A1.2 A2.1 A3.1
Tuần 6	Bài 6: Quản lý sức khỏe cộng đồng 1. Khái niệm quản lý sức khỏe cộng đồng 1.1. Khái niệm về quản lý sức khỏe 1.2. Chủ trình quản lý 2. Lập kế hoạch hành động 2.1. Khái niệm kế hoạch 2.2. Các bước lập kế hoạch	Lý thuyết: Hoạt động 1: Điểm danh Hoạt động 2: Thuyết trình các nội dung 1 - 3 Thảo luận: - Khái niệm	Nghiên cứu tài liệu Hoạt động nhóm	CLO1.1 CLO1.2	A1.1 A1.2 A2.1 A3.1

	<i>hành động</i> 2.3. <i>Bài tập minh họa</i> 3. <i>Thống kê và sổ sách quản lý y tế cơ sở</i> 3.1. <i>Khái niệm về thống kê</i> 3.2. <i>Sổ sách y tế cơ sở</i>	Tự học: Làm bài tập GV yêu cầu			
Tuần 7	Thảo luận, hoạt động nhóm	Thảo luận: GV: Giao trước đề tài cho nhóm SV: Tự tổ chức nghiên cứu tìm hiểu đề tài, báo cáo kết quả và tranh luận công khai trên lớp	Tự tổ chức nghiên cứu tìm hiểu đề tài, báo cáo kết quả và tranh luận công khai trên lớp	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO3.1	A1.1 A1.2 A2.1

7. Thực hành:

Tuần	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu SV chuẩn bị	CDR học phần	Bài đánh giá
Tuần 1	Bài 1. Dịch tễ học cộng đồng	Thời gian: 5 tiết Thực hành: Thực hành lâm sàng tại BV GV kiểm tra nhận xét đánh giá SV thực hành.	- Chuẩn bị cơ sở lý thuyết - Trang phụ theo yêu cầu của BV - Nội quy, quy chế BV - Phân nhóm thực hành, công việc từng SV trong nhóm và tiến hành thực hành	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2	A3.2
Tuần 2	Bài 2. Quy trình điều dưỡng cộng đồng	Thời gian: 5 tiết Thực hành: Thực hành lâm sàng tại BV GV kiểm tra nhận xét đánh giá SV thực hành.	- Chuẩn bị cơ sở lý thuyết - Trang phụ theo yêu cầu của BV - Nội quy, quy chế BV - Phân nhóm thực hành, công việc từng SV trong nhóm và tiến hành thực hành	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2	A3.2
Tuần 3 4 tiết	Bài 3. Lượng giá nhu cầu và lập kế hoạch chăm sóc người bệnh tại gia đình	Thời gian: 5 tiết Thực hành: Thực hành lâm sàng tại BV GV kiểm tra nhận xét đánh giá SV thực hành.	- Chuẩn bị cơ sở lý thuyết - Trang phụ theo yêu cầu của BV - Nội quy, quy chế BV	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	A3.2

			- Phân nhóm thực hành, công việc từng SV trong nhóm và tiến hành thực hành	CLO3.2	
Tuần 4	Bài 4. Lượng giá nhu cầu và lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe cộng đồng	Thời gian: 5 tiết Thực hành: Thực hành lâm sàng tại BV GV kiểm tra nhận xét đánh giá SV thực hành.	- Chuẩn bị cơ sở lý thuyết - Trang phụ theo yêu cầu của BV - Nội quy, quy chế BV - Phân nhóm thực hành, công việc từng SV trong nhóm và tiến hành thực hành	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2	A3.2
Tuần 5	Bài 5. Điều tra sức khỏe	Thời gian: 5 tiết Thực hành: Thực hành lâm sàng tại BV GV kiểm tra nhận xét đánh giá SV thực hành.	- Chuẩn bị cơ sở lý thuyết - Trang phụ theo yêu cầu của BV - Nội quy, quy chế BV - Phân nhóm thực hành, công việc từng SV trong nhóm và tiến hành thực hành	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2	A3.2
Tuần 6	Bài 6. Sàng lọc sức khỏe	Thời gian: 5 tiết Thực hành: Thực hành lâm sàng tại BV GV kiểm tra nhận xét đánh giá SV thực hành.	- Chuẩn bị cơ sở lý thuyết - Trang phụ theo yêu cầu của BV - Nội quy, quy chế BV - Phân nhóm thực hành, công việc từng SV trong nhóm và tiến hành thực hành	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2	A3.2
Tuần 7	Quản lý sức khỏe cộng đồng	Thời gian: 5 tiết Thực hành: Thực hành lâm sàng tại BV GV kiểm tra nhận xét đánh giá SV thực hành.	- Chuẩn bị cơ sở lý thuyết - Trang phụ theo yêu cầu của BV - Nội quy, quy chế BV - Phân nhóm thực hành, công việc từng SV trong nhóm và tiến hành thực hành	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2	A3.2

8. Ngày phê duyệt:

9. Cấp phê duyệt:

Trưởng bộ môn

Giảng viên

Phụ lục 1: Ký hiệu về trình độ năng lực (TĐNL) và đối sánh với các thang phân loại
(Dùng cho xây dựng ma trận CDR CTĐT và xây dựng đề cương học phần)

KÝ HIỆU TĐNL		1	2	3	4	5
Mức độ thành thạo dựa vào hoạt động	Crawly, 2001	Có trải nghiệm qua hoặc gặp qua	Có thể tham gia vào và đóng góp	Có thể hiểu và giải thích	Có kỹ năng trong thực hành hoặc thực hiện	Có thể lãnh đạo hoặc đổi mới
	MIT	0.1 → 1.0	1.1 → 2.4	2.5 → 3.4	3.5 → 4.4	4.5 → 5.0
Lĩnh vực về nhận thức	Bloom, 1956	-----	- Biết	- Hiểu	- Áp dụng, - Phân tích	- Tổng hợp, - Đánh giá
	Anderson et al., 2001	-----	- Nhớ	- Hiểu	- Áp dụng, - Phân tích	- Đánh giá, - Sáng tạo
Lĩnh vực về tâm vận động	Simpson, 1972	- Nhận thức - Thiết lập	- Làm theo hướng dẫn	- Thuần thục	- Thành thạo kỹ năng phức tạp - Thích ứng	- Sáng chế
	Dave, 1975	- Bắt chước có quan sát	- Làm lại theo cấu trúc nội tâm	- Chính xác hóa hoạt động của cơ bắp	- Hoàn thiện thứ tự các hoạt động	- Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới
Lĩnh vực về cảm xúc	Krathwohl, Bloom & Masia, 1973	-----	- Tiếp nhận hiện tượng	- Phản ứng với hiện tượng	- Chấp nhận giá trị (Valuing)	- Tổ chức - Ứng xử